

Bản án số: **105/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 30-6-2022
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Phước
2. Bà Thái Thị Việt

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Kim Thắng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 74/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26-5-2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13-6-2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1992.

Trú tại: Hẻm số 57, đường số 12, tổ 3, ấp Chánh, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình C, sinh năm 1984.

Trú tại: Thôn 9, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Chị H và anh C đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình C tự nguyện tìm hiểu, sau đó đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND xã Tiên Lãnh, huyện Tiên Phước. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau, hiện tại không còn sống chung với nhau, mỗi người sống mỗi nơi, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên

chị yêu cầu được ly hôn đối với anh Nguyễn Đình C.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Đình C có với nhau 02 con chung tên Nguyễn Đình L, (sinh ngày 07/02/2010) và Nguyễn Đình H, (sinh ngày 09/6/2012). Tại đơn khởi kiện chị yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Đình L, còn giao con chung Nguyễn Đình H cho anh Nguyễn Đình C trực tiếp nuôi dưỡng.

Tuy nhiên tại đơn xin xét xử vắng mặt chị H rút lại yêu cầu đối với con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Đình C trình bày: Anh thống nhất với yêu cầu ly hôn của chị H vì hiện nay anh và chị H không còn sống chung với nhau, mỗi người sống mỗi nơi, không ai quan tâm đến ai.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập cũng như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Nguyễn Đình C vắng mặt không có lý do. Do đó, việc hòa giải không thực hiện được.

Các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Bản sao trích lục kết hôn; bản sao giấy khai sinh của con; bản sao căn cước công dân và sổ hộ khẩu; bản tự khai của đương sự; biên bản xác minh của Tòa án; các tài liệu liên quan đến quá trình tố tụng của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và hướng giải quyết vụ án: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đảm bảo quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt là không chấp hành quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với anh Nguyễn Đình C;

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về con chung;

Tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Đình C đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã Tiên Lãnh, huyện Tiên Phước, anh Nguyễn Đình C đang cư trú tại xã Tiên Lãnh, huyện Tiên Phước. Chị Nguyễn Thị Thanh H khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung, Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H và bị đơn anh Nguyễn Đình C đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh C là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu nuôi con chung theo quy định khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Đình C xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn đúng thủ tục tại cơ quan có thẩm quyền, đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của chị H và anh C là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của chị Nguyễn Thị Thanh H thì cuộc sống hôn nhân của chị và anh Nguyễn Đình C không tìm được tiếng nói chung nên xảy ra mâu thuẫn, hiện tại chị và anh C đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trên thực tế. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng cho anh C để tham gia hòa giải nhằm hàn gắn lại mối quan hệ nhưng anh C vắng mặt. Theo đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị H và anh C không có điều kiện để tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với anh Nguyễn Đình C là phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 21, Điều 28, Điều 35, Điều 177, Điều 207, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với anh Nguyễn Đình C.

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với việc yêu cầu nuôi con chung. Quyền khởi kiện của đương sự đối với việc nuôi con chung được đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Thanh H chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án

số 0008696 ngày 22/4/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh, VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Tiên Phước;
- Chi cục THADS huyện Tiên Phước;
- UBND xã Tiên Lãnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Võ Thanh Hải